

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 38/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24-8-2018.
V/v tranh chấp HNGĐ.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Đức.
2. Ông Nguyễn Thiện Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Thành - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Dung - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2018/TLST-HNGĐ ngày 18/6/2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08/8/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm: 1987 (vắng mặt).

ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn A, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Lương Văn Q, sinh năm: 1981 (vắng mặt).

Đều ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn L, xã B, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*) Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/6/2018, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì nguyên đơn là chị Bùi Thị H trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Chị và anh Lương Văn Q tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, thành phố T, tỉnh Thái Bình ngày 18/4/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp, anh Q không chí thú làm ăn, hay

uống rượu, không quan tâm đến vợ con và gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2016, chị cùng hai con về nhà mẹ đẻ sinh sống cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lương Thế N, sinh ngày 19/5/2012 và Lương Thị Kim S, sinh ngày 15/9/2013. Hiện cả hai con đang ở cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng cho con. Hiện nay chị đang là công nhân tại Công ty M, khu công nghiệp C, thành phố T, tỉnh Thái Bình, thu nhập bình quân hàng tháng là 5.000.000 đồng, mẹ đẻ chị sẽ hỗ trợ chị trong việc nuôi dưỡng và chăm sóc con, chị đủ điều kiện để nuôi dưỡng các con, đảm bảo về mọi mặt cho con.

Về tài sản chung: Chị và anh Q không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, cũng không có tài sản cho người khác vay. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

*) Ông Nguyễn Đức G – Trưởng thôn L, xã B, thành phố T, tỉnh Thái Bình cung cấp thông tin như sau:

Anh Lương Văn Q có đăng ký hộ khẩu thường trú và thường xuyên cư trú tại thôn L, xã B, thành phố T, tỉnh Thái Bình, anh Q là thợ xây, ban ngày đi làm đến trưa và tối mới về. Trong quá trình chung sống, chị H và anh Q đã xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau, nguyên nhân là do là do anh Q không chí thú làm ăn, không quan tâm đến vợ con và gia đình. Đến tháng 02/2016, chị H đã đưa hai con về nhà mẹ đẻ tại xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình sinh sống cho đến nay. Theo ông, mâu thuẫn giữa chị H và anh Q đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh Q. Chị H và anh Q có hai con chung, hiện đang ở cùng chị H như chị H đã trình bày là đúng, anh Q khó có khả năng nuôi dưỡng và chăm sóc con vì anh Q là lao động tự do, công việc không đều nên thu nhập không ổn định. Chị H và anh Q không có tài sản chung, không nợ cá nhân cũng như các tổ chức, đoàn thể của địa phương.

*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 147; 203; 235; 238; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điều 26; điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

+ Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Lương Văn Q.

+ Về nuôi con chung: Xử giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con Lương Thế N, sinh ngày 19/5/2012 và Lương Thị Kim S, sinh ngày 15/9/2013, chị H không yêu cầu anh Q cấp dưỡng cho con.

+ Về tài sản chung: Do anh Q chưa có lời khai về tài sản nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này, khi nào các đương sự có yêu cầu thì được xem xét, giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

+ Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa nhưng nguyên đơn là chị Bùi Thị H có đơn xin vắng mặt, bị đơn là anh Lương Văn Q không trình bày lời khai, không có mặt tại phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị Bùi Thị H và anh Lương Văn Q được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 đã xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp, anh Q không chí thú làm ăn, hay uống rượu, không quan tâm đến vợ con và gia đình. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đến tháng 02/2016 vợ chồng ly thân, chị H cùng hai con về nhà mẹ đẻ tại xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình sinh sống cho đến nay. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị H và anh Q ngày càng căng thẳng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Lương Văn Q là đúng pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Chị H và anh Q có hai con chung là Lương Thế N, sinh ngày 19/5/2012 và Lương Thị Kim S, sinh ngày 15/9/2013. Hiện cả hai con đang ở cùng chị H. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng cho con, chị H đã trình bày điều kiện nuôi con. Xét yêu cầu này của chị H, Hội đồng xét xử thấy: Chị H có việc làm và thu nhập ổn định, có chỗ ở, mẹ đẻ chị đã, đang và sẽ hỗ trợ chị trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc các con, các con còn nhỏ và đang có cuộc sống ổn định. Còn anh Q công việc không đều, thu nhập không ổn định, không có khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc con, không đảm bảo về mọi mặt cho con. Vì vậy, cần xử giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng hai con, chị H không yêu cầu anh Q cấp dưỡng cho con là phù hợp quy định tại các điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình

[4] Về tài sản chung: Do anh Q chưa có lời khai về tài sản nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này, khi nào các đương sự có yêu cầu thì được xem xét, giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 147; 203; 235; 238; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điều 26; điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Lương Văn Q.

2. Về nuôi con chung: Xử giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con Lương Thế N, sinh ngày 19/5/2012 và Lương Thị Kim S, sinh ngày 15/9/2013, chị H không yêu cầu anh Q cấp dưỡng cho con.

Chị H và anh Q có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu mức cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0007070 ngày 15/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP.Thái Bình;
- Chi cục THADS TP.T;
- Đương sự;
- UBND xã B, TPT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hồng Thái

